

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2025 – 2026

Áp dụng từ ngày 19/01/2026

I. CÁC LỚP THUỘC BỘ MÔN NGOẠI NGỮ.

		16DTA1	16DTA2	17DNNA1	17DNNA2
2	S	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh C. Loan - 4T P. A3 – CS2		Từ pháp học C. An – 3t P. A1 – CS2	Lý thuyết dịch T. Châu -3t P.A2 – CS2
	C			Dẫn luận văn học Anh C. Đào – 3t P. B1 – CS2	
3	S	Ngữ dụng học T. Châu – 3t P.A3 – CS2			
	C		Ngữ dụng học T. Châu – 3t P.A3 – CS2		Dẫn luận văn học Anh C. Đào – 3t P. B1 – CS2
4	S	Phiên dịch C. Sang – 4t P.22 – KHXH		Lý thuyết dịch T. Châu – 3t P. A3 – CS2	
	C				Ngữ âm - Âm vị c. Sang - 4t P.23 - KHXH
5	S	Kiểm tra và đánh giá T. Châu – 3t P.A1 – CS2	Đa truyền thông trong giảng dạy T. Út 4t P18 khxh	Lịch sử Anh T. Nghĩa - 2t P. A3 – cs2	Từ pháp học C. An – 3t P. A2 – CS2
	C	Tiếng Anh giảng dạy C. Út - 3t PA3 - CS2	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh t. Châu – 4t P. A1 – cs2		Dẫn luận văn học Anh C. Đào – 3t P. B2 – CS2

6	S	Đa truyền thông trong giảng dạy T. Út – 4t P. A1 – cs2	Tiếng Anh giảng dạy C. Út 3t P 22 – khxh	Ngữ âm - Âm vị C. Sang – 4t P A3 – cs2	
	C		Kiểm tra và đánh giá C. Huyền – 3t P. A2 – Cs2		
7	S		Phiên dịch C. Sang – 4t P 19 – KHXH	Dẫn luận văn học Anh C. Đào – 3t P. B3 – CS2	Lịch sử Anh T. Nghĩa - 2t P.18 – KHXH
	C				

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2025 – 2026

Áp dụng từ ngày 19/01/2026

I. CÁC LỚP THUỘC BỘ MÔN NGOẠI NGỮ

		18DNNA -Nhóm1	18DNNA – Nhóm 2	18DNNA –Nhóm 3	18DNNA1	18DNNA2	19DNNA1	19DNNA2	19DNNA3
2	S				Dẫn luận Việt ngữ học C. Đ Liên – 4t P21 KHXH (Tạm nghỉ sẽ có TB sau)	Tâm lý học đại cương T. Công – 4t P.18 KHXH	Viết B2.1 T. Bảo – 4t P.19 – KHXH		Ngữ âm thực hành nâng cao C.Tú -4t P23-khxx
	C				Tư tưởng Hồ Chí Minh T. Khởi – GD7				
3	S	Độc hiểu C1.1 C.An - 3t P A1 – CS2	Tiếng Pháp căn bản 3 t. Tòng - 4t P18 KHXH	Nghe-Nói C1.1 C. Loan – 4t P. A2 – CS2				Viết B2.1 T. Bảo – 4t P.19 - KHXH	Độc hiểu B2.1 C. Thảo - 4t P.20 - KHXH
	C	Viết C1.1 C. Huyền – 3t P. A2 - cs2	Nghe-Nói C1.1 C. Út - 3T P 18 KHXH	Độc hiểu C1.1 C. An -3t P A1 – CS2			Kinh tế chính trị Mác – Lênin C. Hiền - 4t GD7 – CS2		
4	S		Độc hiểu C1.1 C. Loan P. A1 – CS2	Viết C1.1 T. Bảo – 3t P. A2 – CS2				Ngữ pháp nâng cao C. Oanh – 4t P.19 KHXH	Nghe-Nói B2.1 T. Út – 4t P21 - khxx
	C	Nghe - Nói C1.1 C. Ý -4t P22 KHXH	Viết C1.1 T. Bảo – 3t P. A2 – CS2	Tiếng Pháp căn bản 3 T.Thoại - 4T P18 KHXH			Độc hiểu B2.1 C. Thảo 4t P 21 KHXH		Tiếng Pháp căn bản 1 T. Tòng – 4T P19 -KHXH

5	S				Tâm lý học đại cương T. Công – 4t P.21 KHXH	Dẫn luận Việt ngữ học C. Đ Liên – 4t P.22 KHXH (Tạm nghỉ sẽ có TB sau)	Nghe-Nói B2.1 C. Loan – 4t P.19 – KHXH		Ngữ pháp nâng cao C. Oanh – 4t P.20 KHXH
	C						Tiếng Pháp căn bản 1 T. Thoại - 4T P19 – KHXH	Độc hiểu B2.1 C. Cầm– 4T P. 23 – KHXH	
6	S						Ngữ pháp nâng cao T. Trung – 4T P. 23-KHXH	Nghe-Nói B2.1 C. Tú - 4t P21-KHXH	Viết B2.1 C. Cầm– 4t P22 KHXH
	C	Tiếng Pháp căn bản 3 T.Thoại - 4t P 23 KHXH						Tiếng Pháp căn bản 1 T. Tòng - 4t P21 KHXH	
7	S						Ngữ âm thực hành nâng cao C.Tú - 4t P20-khxx	Ngữ âm thực hành nâng cao C. Ý – 4t P22 KHXH	
	C								

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2025 – 2026

Áp dụng từ ngày 19/01/2026

II. CÁC LỚP THUỘC BỘ MÔN VIỆT NAM HỌC

		16DNV	17DTVVHVN	18DTVVHVN1	18DTVVHVN2	19DTVVHVN1 +19DVHDL	19DTVVHVN2	19DTVVHVN1	19DVHDL
2	S	Ngôn ngữ học xã hội C. Nương – 3t P.22- KHXH	Văn học Việt Nam hiện đại 1 (1900-1945; 1945-1975) C. Vân - 4T P 21 – KHXH		Phương pháp NCKH C. Thu Trang – 3T P20-KHXH				
	C		Pháp luật đại cương C. Khuyên -3t P.B3 – CS2						
3	S	Xã hội Việt Nam đương đại cương C. Liên - 3t P21 - khxh				Mĩ học đại cương C. Vân – 4T P22 – KHXH	Lí luận văn học T. Ngọc -4t P23-KHXH		
	C	Văn hóa Đồng bằng sông Cửu Long C. Liên -3t P20 KHXH		Nghiệp vụ Văn thư - Lưu trữ C. Phương 3t P22 KHXH	Ngữ pháp tiếng Việt C. Đ Liên – 4t P. B2 – CS2 (Tạm nghỉ sẽ có TB sau)		Mĩ học đại cương C. Vân - 4T P18-KHXH	Lí luận văn học T. Ngọc -4t P23-KHXH	Tổng quan du lịch T. Đua – 4T P.19 – khxh
4	S			Phương pháp NCKH C. Thu Trang – 3T P20-KHXH	Di tích - danh thắng Việt Nam C. Trân P.23 KHXH	Tiếng Anh căn bản 1 C. An – 4T P 18 – KHXH			
	C	Văn hóa du lịch Việt Nam T. Đua -3t P A1 – Cs2		Tư tưởng Hồ Chí Minh T. Khởi – GD7		Văn học dân gian Việt Nam c. Liên – 4t P 20 khxh			
5	S	Văn học nước ngoài T. Ngọc – 4t P.23 - khxh		Tiếng Anh căn bản 3 T. Bảo – 4t P. B2 – CS2		Kinh tế chính trị Mác – Lênin C. Hiền - 4t GD7 – CS2			

	C	Việt Nam & Khu vực Châu Á Thái Bình Đương T. Đua – 3t P A2 - CS2		Văn hóa Đồng bằng sông Cửu Long C. Liên – 3t P22 KHXH		Địa danh học và địa danh Việt Nam C. Trân - 4t P 18 KHXH	Địa danh học và địa danh Việt Nam T. Hưng - 4t P.21 KHXH		
6	S		Tiếng Anh chuyên ngành C. Thu Trang – 4T P.20-KHXH		Tiếng Anh căn bản 3 C. Oanh – 4t P.A2-CS2		Tiếng Anh căn bản 1 C. Loan – 4t P. 19 – KHXH	Ngữ âm tiếng Việt T. Ngọc – 4t P18-KHXH	Môi trường và phát triển C. Xuân – 4T (Sẽ thông báo lịch học sau)
	C	Phê bình văn học C. Vân – 3t P A1 – cs2	Văn hóa các dân tộc Việt Nam C. Phương 3t P19 - khxh	Di tích - danh thắng Việt Nam C. Trân - 3t P20 KHXH	Văn hóa Đồng bằng sông Cửu Long C. Liên – 3t P22 KHXH		Ngữ âm tiếng Việt T. Ngọc – 4t P18-KHXH		
7	S			Ngữ pháp tiếng Việt C. Đ Liên – 4t P. A2 – CS2 (Tạm nghỉ sẽ có TB sau)	Nghệ vụ Văn thư - Lưu trữ C. Phương 3t P21 KHXH		Văn học dân gian Việt Nam C. Liên – 4t P 23 khxh		
	C		Nghệ vụ báo chí truyền thông T. Lam – 4t P19 - KHXH						

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2025 – 2026

Áp dụng từ ngày 19/01/2026

I. CÁC LỚP THUỘC KHOA KINH TẾ VÀ LUẬT

		18DKT1	18DKT2	18DTCNH	18DQTKD	18DQTKD 18DQDL&LH
2	S		Anh văn chuyên ngành C. Sang - 4t			
	C					
3	S	Tư tưởng Hồ Chí Minh C. Tuyết - 4t		Tư tưởng Hồ Chí Minh T. Trí Thủ		
	C			Tư tưởng Hồ Chí Minh T. Trí Thủ		
4	S	Anh văn chuyên ngành C. Thảo – 4t				
	C					
5	S				Anh văn chuyên ngành C. Huyền – 4t	
	C					
6	S					Tư tưởng Hồ Chí Minh C. Tuyết - 4t
	C					
7	S					
	C					

		19DQTKD1	19DQTKD2	19DKT1	19DKT2	19DTCNH1	19DTCNH2
2	S	Kinh tế chính trị Mác – Lênin C. Thoảng - 4t	Tiếng Anh căn bản 2 C. Ý – 4t	Tiếng Anh căn bản 2 T. Trung – 4T			
	C		Kinh tế chính trị Mác – Lênin C. Thoảng - 4t				
3	S	Tiếng Anh căn bản 2 T. Trung					Tiếng Anh căn bản 2 T. Nam Trung
	C						
4	S			Kinh tế chính trị Mác – Lênin C. Thoảng - 4t		Tiếng Anh căn bản 2 Cô Đào – 4T	
	C				Kinh tế chính trị Mác – Lênin C. Thoảng - 4t		
5	S				Tiếng Anh căn bản 2 C. Tú - 4t		
	C						
6	S					Kinh tế chính trị Mác – Lênin C. Thoảng - 4t	
	C						Kinh tế chính trị Mác – Lênin C. Thoảng - 4t

7	S						
	C						

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2025 – 2026

Áp dụng từ ngày 19/01/2026

II. CÁC LỚP THUỘC KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

		17DCNPM	18DCNPM	18DCNTT1	18DCNTT2	19DCNPM	19DCNTT1	19DCNTT2
2	S			Tư tưởng Hồ Chí Minh C. Kiều – 4t		Tiếng Anh căn bản 2 C. Thảo - 4t		
	C							
3	S		Tư tưởng Hồ Chí Minh C. Kiều - 4t	Logic học đại cương T. Phương – 4t				
	C							
4	S				Tư tưởng Hồ Chí Minh C. Kiều – 4t			Kinh tế chính trị Mác – Lênin C. Trang - 4t
	C						Kinh tế chính trị Mác – Lênin C. Trang - 4t	
5	S		Logic học đại cương T. Phương – 4t			Kinh tế chính trị Mác – Lênin C. Trang - 4t		

	C						Tiếng Anh căn bản 2 C. Huyền – 4T	
6	S	Kỹ năng mềm C.Trân – 4T			Logic học đại cương T. Phương – 4t			Tiếng Anh căn bản 2 C. An – 4T
	C							
7	S							
	C							

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2025 – 2026

Áp dụng từ ngày 19/01/2026

II. CÁC LỚP THUỘC KHOA SƯ PHẠM

		17DGDTH1	17DGDTH2	17DGDTH3	18DGDTH1	18DGDTH2	18DGDTH3	18CGDMN
2	S	Văn học thiếu nhi T. Ngọc – 4t				Anh văn căn bản 3 T. Út - 4t		
	C							
3	S				Anh văn căn bản 3 C. Tú - 4t			Tiếng Anh căn bản 3 C. Oanh – 4t
	C							
4	S		Văn học thiếu nhi T. Ngọc 4t					
	C			Văn học thiếu nhi T. Ngọc 4t				
5	S							
	C							
6	S						Anh văn căn bản 3 C. Ý - 4t	
	C							
7	S				Tư tưởng Hồ Chí Minh C. Phúc - 4t			
	C							

		19DGDTH1	19DGDTH2	19DGDTH3	19CGDMN
2	S	Tiếng Anh căn bản 1 C. Oanh – 4t	Kinh tế chính trị Mác – Lênin C. Trang - 4t		
	C				
3	S	Kinh tế chính trị Mác – Lênin C. Trang - 4t			
	C			Kinh tế chính trị Mác – Lênin C. Trang - 4t	Tư tưởng Hồ Chí Minh C. Kiều – 4t
4	S	Văn học C. Vân – 4t		Tiếng Anh căn bản 1 C. Út - 4t	
	C				Tiếng Anh căn bản 1 T. Út - 4t
5	S		Tiếng Anh căn bản 1 T. Trung - 4t	Văn học C. Vân – 4t	
	C		Văn học C. Vân – 4t		
6	S				
	C				
7	S				
	C				

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2025 – 2026

Áp dụng từ ngày 19/01/2026

III. CÁC LỚP THUỘC KHOA NÔNG NGHIỆP VÀ THỦY SẢN

		18DBVTV +18DCNTY +18DKHMT +18DNTCNC +18DNTTS	19DBVTV-20 19DCNTY-22 19DKHMT - 11 19 DNTCNC –37	19DBVTV-20 19DCNTY-22	19DNTCNC	19DNTTS1	19DNTTS2	19DNTTS2-30 19DKHMT-10
2	S					Tiếng Anh căn bản 2 C. Út – 4t		
	C							Tiếng Anh căn bản 2 C. Ý – 4t
3	S					Kinh tế chính trị Mác – Lênin C. Kim Cương - 4t		
	C							
4	S		Kinh tế chính trị Mác – Lênin C. Kim Cương - 4t					
	C				Tiếng Anh căn bản 2 T. Trung – 4T			
5	S							
	C			Tiếng Anh căn bản 2 C. Hạnh – 4t				
6	S							
	C							
7	S							

	C	Tư tưởng Hồ Chí Minh C. Phúc – 4t						
--	----------	--	--	--	--	--	--	--

THÔNG TIN GIẢNG VIÊN

TT	Họ và tên	Số điện thoại	Email	Ghi chú
I	Lãnh đạo Khoa			
1	Trương Thu Trang	0939.818269	tttrang@blu.edu.vn	Phó Trưởng khoa Phụ trách
II	Văn phòng Khoa			
2	Đỗ Chí Tâm	0845.505005	dctam@blu.edu.vn	
III	Bộ môn Lí luận chính trị			
3	Diệp Kiều Trang	0913.458.993	dktrang@blu.edu.vn	Phụ trách
4	Son Thanh Thoảng	0945.971.185	stthoang@blu.edu.vn	
5	Trương Thị Kiều	0944.878527	ttkieu@blu.edu.vn	
6	Trần Tam Phương	0913806429	ttphuong@blu.edu.vn	
IV	Bộ môn Ngoại ngữ			
7	Nguyễn Ái Hoàng Châu	0918.480.131	nahchau@blu.edu.vn	Trưởng Bộ môn
8	Phạm Thanh Loan	0982.299.295	ptloan@blu.edu.vn	Phó Trưởng Bộ môn
9	Nguyễn Trúc An	0944.212.403	ntan@blu.edu.vn	
10	Nguyễn Hiếu Trung	0919.753.783	nhtrung@blu.edu.vn	
11	Tạ Thị Kim Oanh	0916.337.654	ttkoanh@blu.edu.vn	
12	Nguyễn Thị Sang	0919.747.633	ntsang@blu.edu.vn	
13	Võ Thị Ngọc Huyền	0945.762.545	vtnhuyen@blu.edu.vn	
14	Nguyễn Văn Út	0946.463.232	nvut@blu.edu.vn	
15	Ngô Ngọc Thảo	0943.288.579	nnthao@blu.edu.vn	

TT	Họ và tên	Số điện thoại	Email	Ghi chú
16	Liên Trọng Nghĩa	0835.575.799	ltnghia@blu.edu.vn	
17	Huỳnh Thị Út	0949.436.959	htut@blu.edu.vn	
18	Nguyễn Thanh Tòng	0917.548.248	nttong@blu.edu.vn	
19	Lê Minh Thoại	0939.239.765	lmthoai@blu.edu.vn	
20	Sầm Ngọc Khả Tú	0793.659.644	snktu@blu.edu.vn	
21	Trương Thị Như Ý	0972.996.939	ttny@blu.edu.vn	
22	Dương Thế Bảo	0776.514.675	dtbao@blu.edu.vn	
V	Bộ môn Việt Nam học			
23	Lê Kiều Nương	0974.277.402	lknuong@blu.edu.vn	Phó Trưởng Bộ môn Phụ trách
24	Dương Minh Ngọc	0919.434.845	dmngoc@blu.edu.vn	
25	Lưu Thị Liên	0914.967.349	ltlien@blu.edu.vn	
26	Lữ Thị Thuỳ Vân	0939.096.318	littvan@blu.edu.vn	
27	Võ Thị Diễm Phương	0973.647.503	vtdphuong@blu.edu.vn	
28	Phạm Thị Kiều Trân	0845.763.688	ptktran@blu.edu.vn	
29	Phan Việt Đua	0834.174.477	pvdua@blu.edu.vn	
30	Nguyễn Phước Hưng	0907.071.441	nphung@blu.edu.vn	